

LUẬT DÂN SỰ I

Giảng viên: ThS. Kiều Thị Thùy Linh

BÀI 1

KHÁI NIỆM CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

Giảng viên: ThS. Kiều Thị Thùy Linh

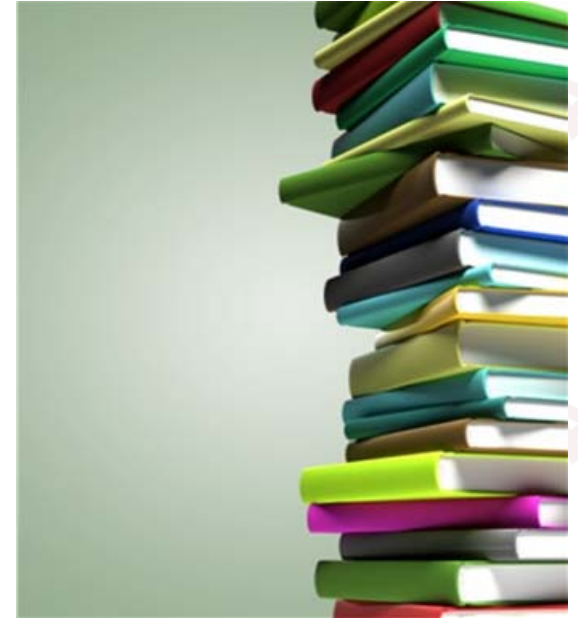
MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Trình bày được khái niệm Luật Dân sự.
- Phân biệt ngành Luật Dân sự với các ngành luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Trình bày được khái niệm, đặc điểm của từng nhóm quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.
- Trình bày khái niệm và lý giải về các nguyên tắc đặc thù điều chỉnh Luật Dân sự.
- Trình bày khái niệm nguồn của Luật Dân sự và các loại nguồn của Luật Dân sự.



CÁC KIẾN THỨC CẦN CÓ

Để học được môn học này, sinh viên phải học xong các môn học: Luật Hiến pháp



HƯỚNG DẪN HỌC

- Đọc tài liệu tham khảo.
- Thảo luận với giáo viên và các sinh viên khác về những vấn đề chưa hiểu rõ.
- Trả lời các câu hỏi của bài học.
- Đọc và tìm hiểu thêm các vấn đề giới thiệu chung về Luật Dân sự Việt Nam.



CẤU TRÚC NỘI DUNG

1.1

Đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự

1.2

Phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự

1.3

Ngành luật dân sự và khoa học luật dân sự

1.4

Nguồn luật dân sự

1.5

Áp dụng luật dân sự

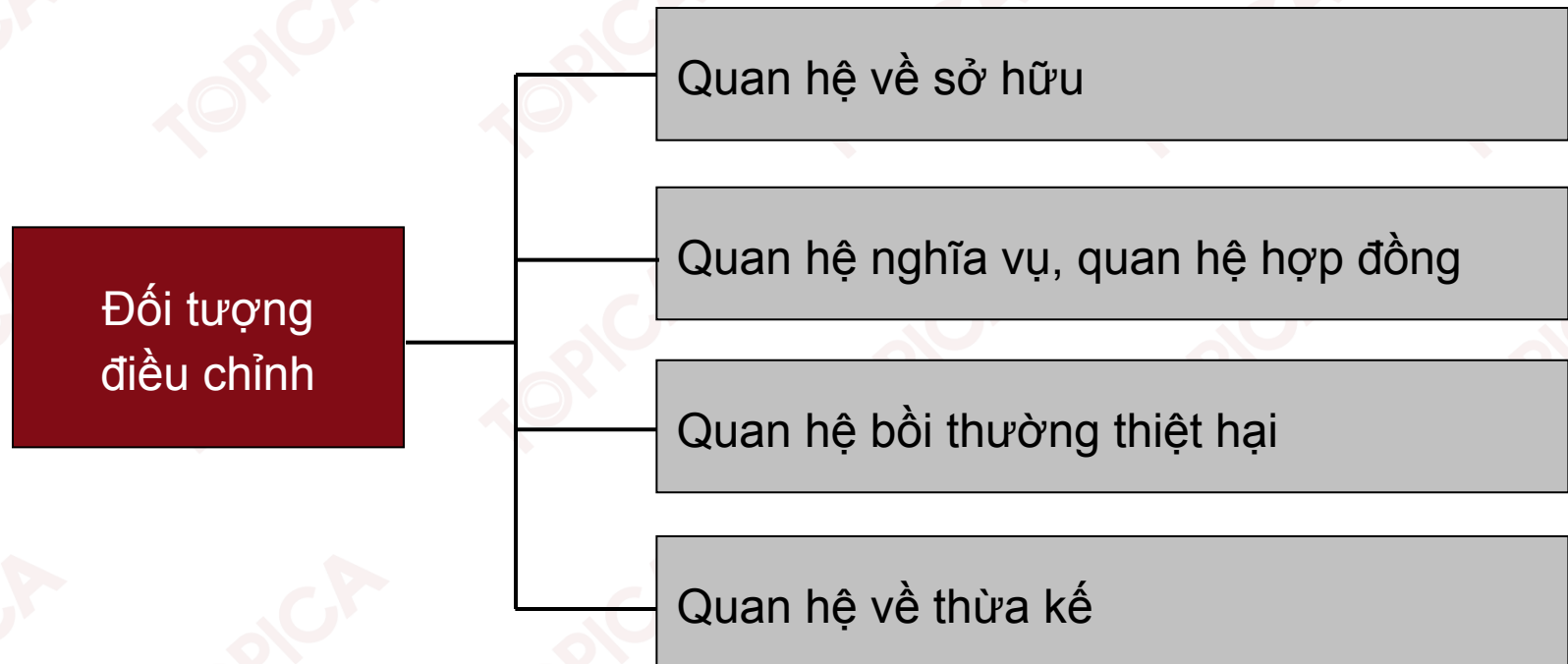
1.1. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT DÂN SỰ

1.1.1. Quan hệ tài sản

1.1.2. Quan hệ nhân thân

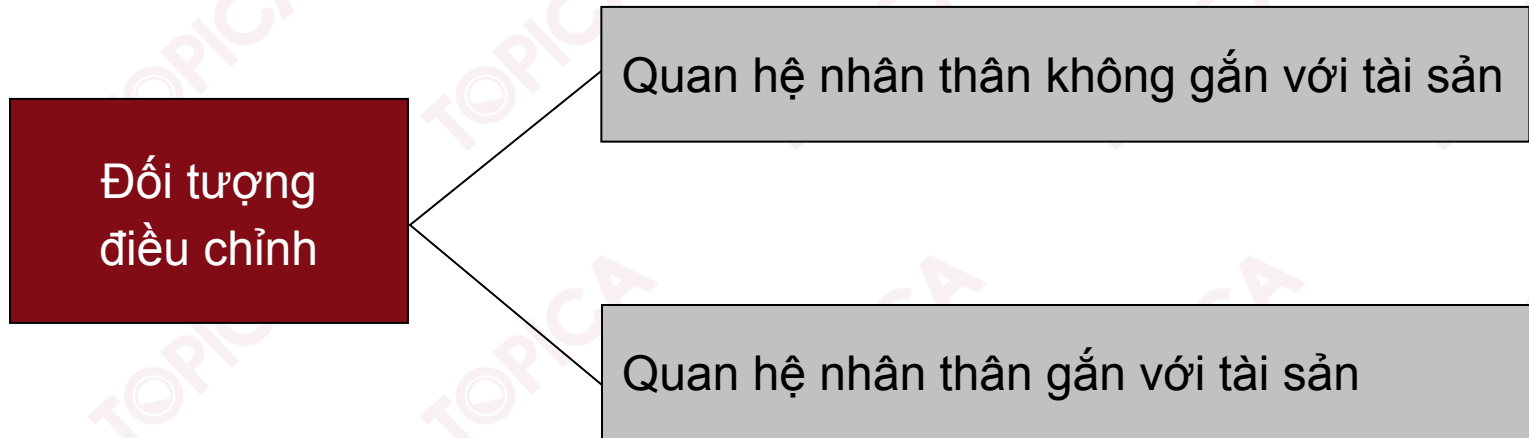
1.1.1. QUAN HỆ TÀI SẢN

- Định nghĩa: Quan hệ tài sản là quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản nhất định.
- Đặc điểm:
 - Hình thành khác quan trong một phương thức sản xuất nhất định;
 - Mang tính ý chí của các chủ thể tham gia quan hệ đó;
 - Luôn mang tính chất hàng hóa – tiền tệ.



1.1.2. QUAN HỆ NHÂN THÂN

- Định nghĩa: Quan hệ nhân thân là quan hệ giữa người với người về một giá trị nhân thân cụ thể.
- Đặc điểm:
 - Không định giá được giá trị nhân thân;
 - Luôn gắn liền với một chủ thể nhất định → không chuyển giao được cho chủ thể khác.



1.2. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT DÂN SỰ

1.2.1. Định nghĩa

1.2.2. Đặc điểm

1.2.3. Nguyên tắc
điều chỉnh

1.2.1. ĐỊNH NGHĨA

Phương pháp điều chỉnh là cách thức, biện pháp mà thông qua đó, Luật Dân sự tác động đến các quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản sao cho sự tác động của pháp luật dân sự phù hợp với tính chất, đặc điểm của các quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản – là đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự.

1.2.2. ĐẶC ĐIỂM

Đặc điểm của phương pháp điều chỉnh

Đảm bảo tính bình đẳng của các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự.

Đảm bảo quyền tự do lựa chọn, định đoạt của các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự.

Các chủ thể chịu trách nhiệm dân sự đối với hành vi của mình.

Bảo đảm quyền khởi kiện, quyền yêu cầu của các chủ thể.

1.2.3. NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH

- Nhóm nguyên tắc chung:
 - Nguyên tắc tôn trọng đạo đức, truyền thống tốt đẹp (Điều 8 Bộ luật Dân sự 2005).
 - Nguyên tắc tôn trọng lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác (Điều 10 Bộ luật Dân sự 2005).
 - Nguyên tắc tuân thủ pháp luật (Điều 11 Bộ luật Dân sự 2005).
- Nhóm nguyên tắc đặc trưng của Luật Dân sự:
 - Nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận (Điều 4 Bộ luật Dân sự 2005).
 - Nguyên tắc bình đẳng (Điều 5 Bộ luật Dân sự 2005).
 - Nguyên tắc thiện chí, trung thực (Điều 6 Bộ luật Dân sự 2005).
 - Nguyên tắc chịu trách nhiệm dân sự (Điều 7 Bộ luật Dân sự 2005).
 - Nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ quyền dân sự (Điều 9 Bộ luật Dân sự 2005).
 - Nguyên tắc hòa giải (Điều 12 Bộ luật Dân sự 2005).

1.3. NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ KHOA HỌC LUẬT DÂN SỰ

1.3.1. Ngành luật dân sự

1.3.2. Khoa học luật dân sự

1.3.1. NGÀNH LUẬT DÂN SỰ

- Định nghĩa: Luật Dân sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân trên cơ sở bình đẳng, độc lập giữa các chủ thể khi tham gia vào quan hệ đó.
- Cấu tạo:
 - Phần chung: Bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh các vấn đề chung nhất và xuyên suốt toàn bộ hệ thống pháp luật dân sự.
 - Phần riêng: Bao gồm các nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh các nhóm quan hệ và tạo thành các chế định của luật dân sự.
 - Chế định về tài sản và quyền sở hữu;
 - Chế định nghĩa vụ và hợp đồng dân sự;
 - Chế định thừa kế;
 - Chế định về chuyển quyền sử dụng đất;
 - Chế định về sở hữu trí tuệ và cấp giấy chứng nhận sở hữu sản phẩm sở hữu trí tuệ.

1.3.2. KHOA HỌC LUẬT DÂN SỰ

- Định nghĩa: Khoa học luật dân sự là một môn học thuộc ngành khoa học pháp lý có đối tượng nghiên cứu là các quy định của pháp luật dân sự với mục đích đưa ra các khái niệm, quan điểm, tìm ra tính thống nhất hoặc mâu thuẫn, bất cập trong quy định pháp luật dân sự và luận giải, hoàn thiện các bất cập của pháp luật dân sự.
- Cấu tạo:
 - Khái niệm chung về Luật Dân sự Việt Nam;
 - Quan hệ pháp luật dân sự;
 - Giao dịch dân sự - đại diện – thời hạn – thời hiệu;
 - Tài sản và quyền sở hữu;
 - Thừa kế;
 - Khái niệm nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự;
 - Hợp đồng dân sự thông dụng;
 - Hứa thưởng và thi có giải;
 - Nghĩa vụ phát sinh ngoài hợp đồng;
 - Trách nhiệm bồi thường thiệt hại;
 - Chuyển quyền sử dụng đất;
 - Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ;
 - Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

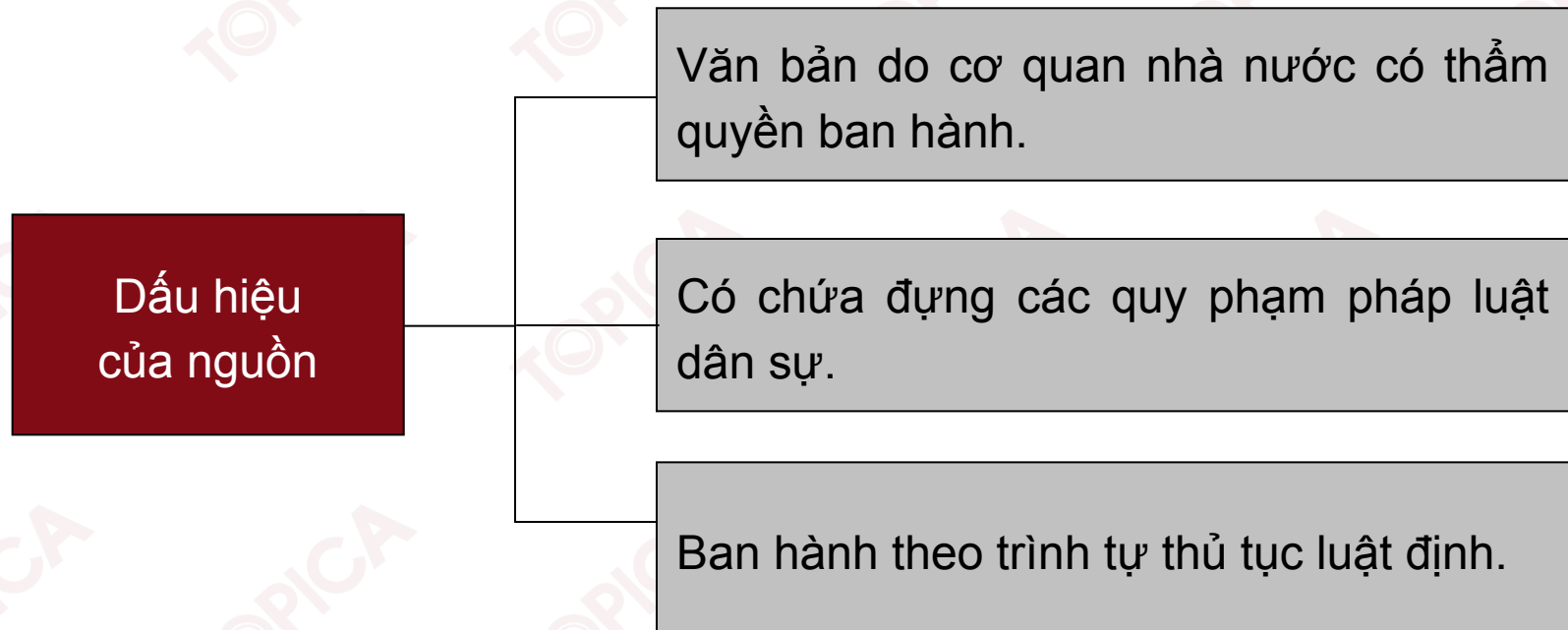
1.4. NGUỒN CỦA LUẬT DÂN SỰ

1.4.1. Định nghĩa và dấu hiệu

1.4.2. Phân loại nguồn

1.4.1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DẤU HIỆU

Định nghĩa: Nguồn của Luật Dân sự là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo một trình tự nhất định có chứa đựng các quy phạm pháp luật dân sự.



1.4.2. PHÂN LOẠI NGUỒN



1.5. ÁP DỤNG LUẬT DÂN SỰ

1.5.1. Áp dụng trực tiếp

1.5.2. Áp dụng
tập quán

1.5.3. Áp dụng quy
định tương tự của
pháp luật

1.5.1. ÁP DỤNG TRỰC TIẾP

- Định nghĩa: Áp dụng trực tiếp Luật Dân sự là hoạt động cụ thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đưa ra quyết định phù hợp với điều kiện thực tế đã xảy ra trên cơ sở quy định của pháp luật được thể hiện trong các quy phạm pháp luật dân sự đã có sẵn.
- Điều kiện áp dụng:
 - Sự kiện xảy ra thuộc lĩnh vực dân sự;
 - Đã có quy phạm pháp luật trực tiếp điều chỉnh.
- Hậu quả pháp lý:
 - Công nhận hoặc bác bỏ quyền dân sự nào đó của một chủ thể.
 - Xác lập nghĩa vụ dân sự cho một chủ thể nhất định (như bồi thường thiệt hại, giao vật, trả tiền...).
 - Áp dụng biện pháp cưỡng chế để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cộng đồng hoặc của chủ thể khác.

1.5.2. ÁP DỤNG TẬP QUÁN

- Định nghĩa: Áp dụng tập quán là sử dụng các xử sự đã được cộng đồng địa phương, dân tộc thừa nhận để giải quyết các tranh chấp giữa các thành viên ở địa phương, dân tộc đó.
- Điều kiện áp dụng:
 - Sự kiện, quan hệ tranh chấp cần giải quyết thuộc lĩnh vực dân sự.
 - Luật Dân sự chưa có quy phạm để có thể áp dụng trực tiếp luật.
 - Có tập quán để áp dụng vào sự kiện đó mà đã được cộng đồng thừa nhận.

1.5.3. ÁP DỤNG QUY ĐỊNH TƯƠNG TỰ CỦA PHÁP LUẬT

- Định nghĩa: Áp dụng tương tự của pháp luật là áp dụng quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ pháp luật dân sự có tính chất tương đương vào quan hệ đang tranh chấp.
- Điều kiện áp dụng:
 - Sự kiện, quan hệ tranh chấp cần giải quyết thuộc lĩnh vực dân sự.
 - Luật Dân sự chưa có quy phạm để có thể áp dụng trực tiếp luật.
 - Tranh chấp đang giải quyết có tính chất tương đương với quan hệ pháp luật đã có quy phạm trực tiếp điều chỉnh.

Trong bài này, chúng ta đã nghiên cứu các nội dung chính sau:

- Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự trong các quan hệ xã hội;
- Phân biệt giữa ngành luật dân sự và khoa học luật dân sự.
- Các loại nguồn của Luật Dân sự vào giải quyết các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể.
- Áp dụng Luật Dân sự, áp dụng tập quán, áp dụng tương tự pháp luật trong giải quyết các quan hệ phát sinh trên thực tế.